TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 18-4-2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh
*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Nguyễn Thị Thủy
Ông Phan Tấn Lãm
-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.
Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXX-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ: số 169, phố LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết A – chức vụ: Tổng giám đốc; ủy quyền cho Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, do bà Nguyễn Thị B - chức vụ: Giám đốc làm đại diện; bà Nguyễn Thị B ủy quyền lại cho bà Vũ Thị C - chức vụ: Phó giám đốc tham gia tố tụng (có mặt).

Bị đơn: Bà Đoàn Thị Ngọc D. Sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức Đ. Sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn BX, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Bản tự khai và lời trình bày tại phiên toà của người đại diện theo uỷ quyền là bà Vũ Thị C có nội dung được tóm tắt như sau:

Hộ bà Đoàn Thị Ngọc D có vay Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh Phòng Giao dịch huyện Bù Gia Mập 02 khoản vay với số tiền là 42.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 09 tháng 5 năm 2015, hộ bà D được Ngân hàng chính sách xã hội xét duyệt cho vay 30.000.000 đồng chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn với lãi suất là 9,6 %/năm, hạn trả nợ là ngày 09 tháng 6 năm 2021.

- Ngày 20 tháng 5 năm 2016 hộ bà D được Ngân hàng chính sách xã hội xét duyệt cho vay 12.000.000 đồng chương trình cho vay nước sạch & vệ sinh môi trường nông thôn với lãi suất là 9 %/năm, hạn trả nợ là ngày 09 tháng 5 năm 2021.

Trong suốt quá trình vay cho đến ngày khởi kiện, hộ bà D đã trả được tiền nợ gốc là 4.700.000 đồng của khoản vay 12.000.000 đồng, còn tiền gốc của khoản vay 30.000.000 đồng thì chưa trả. Về tiền lãi đã trả được 23.110.241 đồng, trong đó tiền lãi đã trả của khoản vay 30.000.000 đồng tính từ ngày vay cho đến ngày 18 tháng 7 năm 2021 là 18.046.046 đồng và tiền lãi của khoản vay 12.000.000 đồng tính từ ngày vay cho đến ngày 11 tháng 6 năm 2021 là 5.558.018 đồng.

Đến nay, tiền lãi đã quá hạn của số tiền gốc 30.000.000 đồng tính từ ngày 19 tháng 7 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 2.852.534 đồng và số tiền lãi quá hạn của khoản vay 12.000.000 đồng đã trả và còn nợ lại là 7.300.000 đồng tiền gốc tính từ ngày 12 tháng 6 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 650.735 đồng thì hộ bà D vẫn chưa trả mặc dù Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm & vay vốn, hội đoàn thể, UBND xã và Ngân hàng đã thành lập nhiều đoàn xuống làm việc nhiều lần nhưng hộ bà D vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy, nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập buộc hộ bà Đoàn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Đức Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ tổng số tiền gốc của 02 khoản đã vay còn nợ lại là 37.300.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tính theo bản chiết tính đối với tiền lãi đã quá hạn của số tiền gốc 30.000.000 đồng tính từ ngày 19 tháng 7 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 2.852.534 đồng và số tiền lãi quá hạn của khoản vay 12.000.000 đồng đã trả và còn nợ lại là 7.300.000 đồng tiền gốc tính từ ngày 12 tháng 6 năm 2021 đến ngày 18 thàn 4 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 650.735 đồng, tổng cộng tiền lãi là 3.503.269 đồng.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là bà Đoàn Thị Ngọc D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Buộc bị đơn bà Đoàn Thị Ngọc D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là gốc đã vay còn nợ lại là 37.300.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Toà án:

Đây là vụ án dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" do nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn là bà Đoàn Thị Ngọc D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức Đ có địa chỉ cư trú tại Thôn BX, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Vì Vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Bị đơn là Bà Đoàn Thị Ngọc D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do chính đáng, mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhiều lần. Như vậy, việc vắng mặt của các đương sự nói trên là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cho nên, căn cứ tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

*[2.1] Về tiền nợ gốc**:***

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị C đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn bà Đoàn Thị Ngọc D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền số tiền gốc của 02 khoản đã vay còn nợ lại là 37.300.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù tại phiên tòa vắng mặt bà D, ông Đ, nhưng căn cứ vào khoản vay vốn tín chấp lập ngày 09 tháng 5 năm 2015 theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000707669708 với số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay theo chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn và khoản vay tín chấp lập ngày 20 tháng 5 năm 2016 theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000707451785 đều do bà D đại diện hộ gia đình ký tên ở phần người vay với số tiền là 12.000.000 đồng, mục đích vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường. Quá trình vay, bà D và ông Đ đã trả được số tiền gốc là 4.700.000 đồng của khoản vay 12.000.000 đồng, số còn lại của 02 khoản tổng cộng là 37.300.000 đồng ông bà chưa trả.

Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy, việc giao kết giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự được quy định tại các Điều 385, 401, 463 của Bộ Luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ bà D, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ, mặc dù Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã đi đòi nhiều lần. Vì vậy, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam do bà Vũ Thị C làm đại diện theo uỷ quyền yêu cầu bị đơn là bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền là gốc đã vay còn nợ lại là 37.300.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]Về lãi suất:

Căn cứ vào lời trình bày của bà C là đại diện của Ngân hàng và Bản kê tính lãi phát sinh lập ngày 06 tháng 4 năm 2022 thì bà D, ông Đ đã trả được tổng tiền lãi của 02 khoản vay là 23.110.241 đồng. Trong đó, tiền lãi đã trả của khoản vay 30.000.000 đồng tính từ ngày vay cho đến ngày 18 tháng 7 năm 2021 là 18.046.046 đồng và tiền lãi của khoản vay 12.000.000 đồng tính từ ngày vay cho đến ngày 11 tháng 6 năm 2021 là 5.558.018 đồng.

Đến nay, tiền lãi đã quá hạn của số tiền gốc 30.000.000 đồng tính từ ngày 19 tháng 7 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 2.852.534 đồng và số tiền lãi quá hạn của khoản vay 12.000.000 đồng đã trả và còn nợ lại là 7.300.000 đồng tiền gốc tính từ ngày 12 tháng 6 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 650.735 đồng thì hộ bà D vẫn chưa trả mặc dù Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm &vay vốn, hội đoàn thể, UBND xã và Ngân hàng đã thành lập nhiều đoàn xuống làm việc nhiều lần nhưng hộ bà D vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng.

Nay tại Tòa, bà Minh đại diện cho Ngân hàng yêu cầu bà D và ông Đ phải có trach nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng tiền lãi quá hạn của 02 khoản vay là 3.503.269 đồng. Xét thấy, yêu cầu này là có cơ sở, phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: bà D, ông Đ liên đới phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; 227; 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 463, 466, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

2. Tuyên xử:

Buộc hộ bà Đoàn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Đức Đ phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền gốc của 02 khoản vay còn nợ lại là 37.300.000 đồng và tổng số tiền lãi quá hạn của 02 khoản vay theo Bảng kê tính lãi phát sinh lập ngày 06 tháng 4 năm 2022 là 3.503.269 đồng. Tổng cộng là 40.803.269 đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vị liên quan liên đới còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí DSST: Hộ bà Đoàn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Đức Đ phải có trách nhiệm liên đới nộp 2.040.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

***Nơi nhận*:**
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước*;
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh